TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/ DSST
Ngày 23/04/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Ngô Rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 23 tháng 04 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/ TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/ QĐXXST- DS ngày 02 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Dương Minh X**, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ N B, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T,** sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Tòng Bá P, sinh năm 1974 (chồng của bà Nguyễn Thị T) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Dương Minh X trình bày: Nguyên vào ngày 07/03/2020 bà Nguyễn Thị T có đến nhà tôi vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 07/03/2020, mục đích bà T vay tiền của tôi là để trả nợ đáo hạn ngân hàng, bà T hứa với tôi sau 07 ngày kể từ ngày vay, vào ngày 15/03/2020 bà T sẽ vay lại tiền của ngân hàng và bà T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi.

Đến nay thì bà T vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho tôi mặc dù tôi có đến nhà bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bà T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: bà Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P trình bày: ông Tòng Bá P vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Nguyễn Thị T với tư cách là bị đơn, ông Tòng Bá P với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông P

vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự, các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà T và ông P, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông P là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa ông Dương Minh X với bà Nguyễn Thị T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Minh X yêu cầu bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông X số tiền gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì ông X có cho bà T vay số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì bà T có làm biên nhận nợ với ông X vào ngày 07/03/2020, thời hạn vay là 07 ngày, vào ngày 15/03/2020 bà T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho ông X. Đến hạn trả nợ thì bà T không thực hiện việc trả nợ và ông X nhiều lần đến nhà bà T đòi nợ nhưng bà T chỉ hứa chứ không trả nợ cho ông X và được biết mục đích bà T vay tiền của ông X là để trả nợ đáo hạn ngân hàng, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."; theo khoản 1 Điều 30: "vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia

đình. Vì vậy số tiền mà bà T nợ ông X số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P.

Nay tại phiên tòa ông Dương Minh X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P phải trả hết nợ gốc số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của ông X phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 15/03/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 14/10/2020 là 768 ngày cụ thể như sau: 200.000.000đ x 1,66% x 768 ngày = 84.992.000đ (tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 284.992.000đ (hai trăm tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông X được chấp nhận nên ông X không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông X số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0008171 ngày 17/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P phải nộp: 284.992.000đ x 5% = 14.249.600đ tính tròn là 14.250.000đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh X.

3/ Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Tòng Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Minh X số tiền gốc và lãi là 284.992.000đ (hai trăm tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Dương Minh X có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T và ông Tòng Bá P không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Tòng Bá P nộp 14.250.000đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Dương Minh X số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0008171 ngày 17/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Dương Minh X biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật